

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Bên mời thầu: Hội chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Hỗ trợ tư liệu sản xuất cho hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên thuộc dự án “Khắc phục hậu quả cho người dân bị ảnh hưởng bởi bão Yagi tại tỉnh Thái Nguyên”.
- Dự toán: Hỗ trợ tư liệu sản xuất cho hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên thuộc dự án “Khắc phục hậu quả cho người dân bị ảnh hưởng bởi bão Yagi tại tỉnh Thái Nguyên”.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 ngày.
- Nguồn vốn: Nguồn tài trợ của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP)
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Địa điểm thực hiện: Tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Cam kết hàng hóa chính hãng, mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau và đáp ứng yêu cầu tại phần b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể.
- Cam kết có mặt xử lý sự cố trong vòng 12 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư;
- Đối với hàng hóa nhập khẩu: Nhà thầu phải cam kết cung cấp đầy đủ các chứng từ nhập khẩu bao gồm: Giấy chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng.
- Cung cấp Bảng Đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu: mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V của E-HSMT (tham chiếu cụ thể đến số trang trong tài liệu kỹ thuật của E-HSMT) và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V của E-HSMT.
- Nhà thầu phải ghi rõ thời gian bảo hành, bảo trì của hàng hoá, thiết bị.
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa có thể là ngôn ngữ tiếng Việt hoặc ngôn ngữ khác. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì các tài liệu nêu trên phải được dịch ra tiếng Việt; được công chứng dịch thuật (khi có yêu cầu của Bên mời thầu).

- Cam kết trong thời gian bảo hành nếu thiết bị hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất nhưng không khắc phục sự cố được thì Nhà thầu phải thay mới 100%.

- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc khi sử dụng không đạt yêu cầu chuyên môn mà nguyên nhân không phải do lỗi bên mời thầu.

- Tất cả các loại hàng hoá đều là sản phẩm hợp pháp, không vi phạm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ hoặc bản quyền theo quy định của pháp luật.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
1	HTX nông nghiệp công nghệ cao Thái Nguyên Xanh	Xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	Máy sao chè	<p>Máy sao chè dùng gas 900 công nghệ cao Kích thước phủ bì (D*R*C), mm: 1950 x 1200 x 1870 ± 5% Kích thước thùng sao (OxL), mm: 900 x 1380 ± 5% Nhiệt độ thùng sao, 30 - 350°C Kiểu truyền động thùng sao: Truyền động đai Tốc độ quay thùng sao, 5 + 50v/p Động cơ: Liên hợp giảm tốc</p> <p>Công suất điện áp động cơ, 0, 4 + 0, (75/220) /380kW/v Hệ thống điều khiển: Điều khiển tốc độ quay thùng sao, nhiệt độ và thời gian sao, có van an toàn bán tự động Tủ điện tổng: Có thiết bị an toàn, hiển thị Vật liệu: Lòng sao Thép (Inox), Vỏ lòng, Khung máy Thép sơn chống gỉ, Bông cách nhiệt Nhiên liệu đốt: Gas Loại nguyên liệu: Chè tươi Năng suất diệt men, 3, 5 - 8kg/mẻ Thời gian diệt men, 3-6ph Năng suất làm khô; lên hương, 8-12kg/mẻ Thời gian làm khô; lên hương, 14-25ph Tiêu thụ ga. 1.5/3kg/h</p>
2	Công ty cổ phần V-Ginseng	Xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	Máy sao chè	<p>Máy sao chè dùng gas 900 công nghệ cao Kích thước phủ bì (D*R*C), mm: 1950 x 1200 x 1870 ± 5% Kích thước thùng sao (OxL), mm: 900 x 1380 ± 5% Nhiệt độ thùng sao, 30 - 350°C Kiểu truyền động thùng sao: Truyền động đai Tốc độ quay thùng sao, 5 + 50v/p Động cơ: Liên hợp giảm tốc</p>

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
				<p>Công suất điện áp động cơ, 0, 4 + 0, (75/220) / 380kW/v</p> <p>Hệ thống điều khiển: Điều khiển tốc độ quay thùng sao, nhiệt độ và thời gian sao, có van an toàn bán tự động</p> <p>Tủ điện tổng: Có thiết bị an toàn, hiển thị</p> <p>Vật liệu: Lòng sao Thép (Inox), Vỏ lòng, Khung máy Thép sơn chống gỉ, Bông cách nhiệt</p> <p>Nhiên liệu đốt: Gas</p> <p>Loại nguyên liệu: Chè tươi</p> <p>Năng suất diệt men, 3, 5 - 8kg/mẻ</p> <p>Thời gian diệt men, 3-6ph</p> <p>Năng suất làm khô; lên hương, 8-12kg/mẻ</p> <p>Thời gian làm khô; lên hương, 14-25ph</p> <p>Tiêu thụ ga. 1.5/3kg/h</p>
3	HTX Nông nghiệp Tiên Phong	Xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên	Phân bón	<p>Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng</p> <p>Hàm lượng hữu cơ %: 15%</p> <p>Đạm tổng số (Nts) %: 2%</p> <p>Lân hữu hiệu (P2O5hh) %: 4%</p> <p>Kali hữu hiệu (K2Ohh) %: 2%</p> <p>Lưu huỳnh (S) %: 2%</p> <p>TE- Bo (B) ppm: 200ppm</p> <p>TE- Sắt (Fe) ppm: 100ppm</p> <p>Độ ẩm %: 25%</p> <p>pHH2O: 5</p>
			Phân bón lót	<p>Là phân hỗn hợp trộn vôi viên gồm ba loại phân chính: Sun phát a môn công thức (NH4)2SO4: gồm Ni tơ và lưu huỳnh; phân ure; Phân lân: P2O5; phân Kali: K2O; và phụ gia: gồm chủ yếu là si líc.</p> <p>– Công thức: 5.10.3.</p> <p>– Là phân mang tính kiềm: PH = 7 – 7,5.</p> <p>– Tan tương đối tốt trong nước .</p> <p>– Thành phần chủ yếu của phân NPK 5.10.3 gồm: Nts: 5%; P2O5hh: 10%; K2Ohh: 3%; MgO: 1%; CaO: 6%; SiO2: 12%; S: 2%; ngoài ra còn có các chất vi lượng khác như : Fe, Al, Mn, Mo</p>

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
			Phân bón thúc	<p>Dạng viên, kích thước từ 2÷4 mm, tỷ trọng 1,0 Kg/dm³.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Không mùi, màu xám – Là phân hỗn hợp dạng viên, được tạo thành từ các loại phân chính: Đạm u rê: CO(NH₂)₂ chứa 46% N, đạm Sun phát a môn công thức (NH₄)₂SO₄; gồm Ni tơ và lưu huỳnh, Phân lân : P₂O₅ ; phân Kali : K₂O; và phụ gia : gồm chủ yếu là si líc. – Công thức : 13.3.10. – Là phân mang tính kiềm : PH = 7 – 7,5. – Tan tương đối tốt trong nước . – Thành phần chủ yếu của phân NPK 13.3.10 gồm : Nts: 13%; P₂O₅hh: 3%; K₂Ohh: 10%; MgO: 1%; CaO: 4%; SiO₂: 7%; S: 7%; ngoài ra còn có các chất vi lượng khác như : Fe, Al, Mn, Mo
4	HTX du lịch cộng đồng Bảo Thanh	Xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Máy cắt cỏ	<p>Thông số kỹ thuật</p> <p>Dung tích xi lanh 35.8 cc</p> <p>Đường kính x hành trình piston 39.0 x 30.0 mm</p> <p>"Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J607a" 1.2 kW (1.6 mã lực) / 7000 v/p</p> <p>Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J1349 (*2) 1.0 kW (1.4 mã lực) / 7000 v/p</p> <p>Tỉ số nén 8.0 : 1</p> <p>Kiểu đánh lửa: Transito từ tính (IC)</p> <p>Loại bugi: CMR5H (NGK)</p> <p>Góc đánh lửa: 27 ± 2° BTDC</p> <p>Bộ chế hòa khí: Kiểu màng chắn</p> <p>Lọc gió: Lọc khô</p> <p>Kiểu bôi trơn: Bơm phun sương</p> <p>Dung tích bình nhiên liệu: 0.63 lít</p> <p>Kiểu khởi động: Bằng tay</p> <p>Loại nhiên liệu: Xăng không chì có chỉ số octan 92 trở lên</p> <p>Dung tích nhớt (máy cắt cỏ): 0.1 lít</p> <p>Tổng trọng lượng: 8.45 Kg ± 5%</p> <p>Kiểu liên kết truyền động: Bó ly hợp khô</p> <p>Truyền lực chính: Trục cứng</p> <p>Kiểu điều chỉnh: Kiểu bóp cò</p> <p>Đường kính lưỡi cắt: 305 mm</p> <p>Vòng quay lưỡi cắt: 5250 v/p (Khi động ở 7000 v/p)</p> <p>Kiểu cần cắt cỏ: Mang vai</p> <p>Dây đeo: Dây đơn</p> <p>Tám chắn an toàn: Có</p>

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
			Máy bơm nước (bơm ly tâm)	Bơm đĩa ly tâm Công suất: 1.1KW Lưu lượng: 120 lít/phút Cột áp: 34 m Đường kính ống hút xả: 50x25mm
			Máy bơm nước (bơm chìm tôm)	Máy bơm chìm nước thải lưu lượng lớn - CỘT ÁP THẤP (Không có lọc rác) Công suất HP(Kw): 1.5HP-1.1Kw Điện áp (220V/380V) Họng(mm): 60 Q(m3/h): 40 H (m): 45
			Máy bơm	Công suất (Power) 750 W Save max max (Flow max) 20 m ³ /giờ Tối đa cột áp dụng (Head max) 15 phút Tốc độ quay (Speed) 2850 vòng/phút Nguồn điện (Nguồn điện) 220V/50Hz Pha điện (Phase) 1 pha (Đơn) Cách điện (Cách nhiệt) Cấp B Đường kính đầu ra (Outlet dia.) 2 inch
			Tủ bảo ôn	Tủ Đông Inverter (2 Ngăn Đông, Mát 660 Lít) Thông số kỹ thuật Loại tủ: Tủ đông nắp dờ Dung tích: 660 Lít tổng / 485 sử dụng trong lòng Số cửa: 2 cửa Số ngăn: 1 ngăn đông, 1 ngăn mát Nhiệt độ ngăn đông (độ C): ≤ -18°C Công nghệ làm lạnh: Trực tiếp Chất liệu dàn lạnh: Đồng inverter Chất liệu cửa tủ: Thép sơn chống rỉ sét Chất liệu lòng tủ: coil nhôm sơn tĩnh điện Chất liệu thân tủ: Thép sơn chống rỉ sét Tiện tích: Lỗ thoát nước, Khoá cửa tủ Thông tin chung Kích thước: 1685 x 761 x 900 mm ± 3% Loại Gas: R600a
			Đạm	Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng nitơ (tính bằng phần trăm khối lượng) không nhỏ hơn 46,3% Hàm lượng biuret (tính bằng phần trăm khối lượng) không lớn hơn 1,0% Độ ẩm (tính bằng phần trăm khối lượng) không lớn hơn 0,35%

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
			Phân bón 1	Thành phần chính • Nito: 13%. • Photpho: 13%. • Kali: 13%. • Lưu huỳnh: 6%. • Sắt: 500ppm. • Đồng: 50ppm. • Kẽm: 190ppm. • Mangan: 105ppm. • Bo: 140ppm.
			Phân bón 2	Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng Đạm tổng số (Nts) %: 5% Lân hữu hiệu (P2O5hh) % : 10% Kali hữu hiệu (K2Ohh) %: 3% Lưu huỳnh (S) % : 8% Bacillus spp: 1,3 x 106 CFU/g pHH2O: 5 Độ ẩm %: 5%
5	HTX chăn nuôi và dịch vụ tổng hợp Phú Lương	Xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Gà giống	Nuôi 90 ngày đạt trọng lượng xô trống mái 2.4-2.6 kg, FCR 2.8 kg cám/kg gà, gà con mới nở trọng lượng từ 37 đến 42 gam
			Thức ăn cho gà	Thức ăn cho gà từ 28 ngày đến xuất Năng lượng trao đổi (min): 3150 Kcal/kg Ẩm độ (max): 13% Protein thô (min): 18% Xơ thô (max): 5% Ca (min - max): 0,4-1,25% P tổng số (min - max) :0,4-0,8% Lysine tổng số (min): 0,95% Methionine + Cystine (min): 0,72%
6	Hợp tác xã Bình Minh	Xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Quạt hút Công nghiệp	Quạt thông gió vuông 1500x1500 Nhà cung cấp Quạt Điện Việt Nam Công suất (W) 1,5 kw Điện áp (V) 380v/50hz Lưu lượng gió (m3/h) 55.000m3/h Kích thước: 1500x1500x450 ± 3% Chất liệu: Cánh inox 304 (trừ buli) Động cơ cam kết: 100% dây đồng Chuyển động gián tiếp: Chóp lật inox, lưới bảo vệ Thân vỏ quạt: tôn kẽm Độ dày inox: 1.0mm Bảo hành: 12 tháng.

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
			Máy phun sương cao áp	Công suất: 200W-220V Đầu vào-ra: 8mm Số lượng béc: 50-70 béc Đèn báo: Led Bảo hành: 12 tháng
7	HTX Dịch vụ nông nghiệp xã Phúc Chu	Xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Máy đun viên thức ăn chăn nuôi	Công suất động cơ: 2 động cơ 3.5kw Nguồn điện: 220V Tốc độ: 1450 v/p Năng suất: 30 – 40 kg/giờ Tính năng: Máy chuyên dùng tạo ra viên cám nổi dành cho các vật nuôi như: cá, lợn, ếch,... lợn gà, chim..
8	HTX Chăn nuôi CNC	Xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	Máy ép cám viên	Công suất động cơ : 11kw Tốc độ: 1450 v/p Nguồn điện: 380V Năng suất : 400-500 kg/giờ Trọng lượng: 286 kg ± 5% Kích thước (D*C*R): 106*110*66 cm ± 5% Tính năng: Máy chuyên dùng nghiền – trộn – ép các loại nguyên liệu thành viên cám làm thức ăn chăn nuôi hay ép phân dê phân hữu cơ làm phân bón trồng cây.
9	Hợp tác xã Vững Tiến	Xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	Máy ép cám viên	Công suất động cơ: 11kw Tốc độ: 1450 v/p Nguồn điện: 380V Năng suất : 400-500 kg/giờ Trọng lượng: 286 kg ± 5% Kích thước (D*C*R): 106*110*66 cm ± 5% Tính năng: Máy chuyên dùng nghiền – trộn – ép các loại nguyên liệu thành viên cám làm thức ăn chăn nuôi hay ép phân dê phân hữu cơ làm phân bón trồng cây.
10	HTX NN và Dịch vụ TH Bảo Minh	Xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Hạt giống keo tai tượng đồng lai	Hạt giống keo tai tượng đồng lai mã C51.11 hoặc tương đương Số hạt của 1 kg: 70.439 hạt/kg Độ thuần: 98% Tạp chất: 2% Tỷ lệ nảy mầm: 97% Thể nảy mầm: 89% Tình trạng thể chất: Tốt
			Keo Tai tượng Úc	Keo Tai tượng Úc 19737 hoặc tương đương Hình dạng: Nhỏ, dẹt, dạng bầu dục, vỏ cứng, màu nâu đậm đến đen bóng. Kích thước: Dài ~3–5 mm, rộng 2–3 mm. Trọng lượng 1.000 hạt: ~14,197 g. Số hạt trên 1 kg: ~70.439 hạt. Độ thuần: 98% (tạp chất ≤ 2%).

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
				Tình trạng thể chất: Tốt, vỏ nguyên vẹn, khô, không mốc.
			Hạt giống keo tai tượng Bà Vì	<p>Hạt giống keo tai tượng Bà Vì BV 10.34 hoặc tương đương</p> <p>Hình dạng: Hạt nhỏ, dẹt, bầu dục; vỏ cứng, bóng, màu nâu đậm hoặc đen.</p> <p>Kích thước: Dài 3–5 mm, rộng 2–3 mm.</p> <p>Trọng lượng 1.000 hạt: Khoảng 14–15 g.</p> <p>Số hạt/1 kg: ~67.000 – 72.000 hạt (tùy vụ thu hái và độ ẩm).</p> <p>Độ thuần: $\geq 98\%$; Tạp chất: $\leq 2\%$.</p> <p>Tình trạng thể chất: Tốt, đồng đều, không nứt vỡ, không mốc.</p>
			Túi bầu ươm hạt giống 7x11	<p>Túi bầu ươm hạt giống 7x11</p> <p>Kích thước miệng túi: 7 cm (đường kính).</p> <p>Chiều cao: 11 cm.</p> <p>Dung tích ước tính: ~300–350 ml đất/giá thể.</p> <p>Hình dạng: Trụ đứng, đáy tròn, đục lỗ thoát nước.</p> <p>Nhựa PE hoặc HDPE tái sinh hoặc nguyên sinh (tùy loại), dẻo, bền, khó rách.</p> <p>Độ dày trung bình 0,08 – 0,12 mm, đảm bảo chịu lực khi di chuyển cây.</p> <p>Màu đen giúp hạn chế ánh sáng xuyên vào đất, giảm mọc rêu, giữ ẩm tốt.</p>
			Túi bầu ươm hạt giống 7,5x11	<p>Túi bầu ươm hạt giống 7,5x11</p> <p>Kích thước miệng túi: 7,5 cm (đường kính).</p> <p>Chiều cao: 11 cm.</p> <p>Dung tích ước tính: ~300–350 ml đất/giá thể.</p> <p>Hình dạng: Trụ đứng, đáy tròn, đục lỗ thoát nước.</p> <p>Nhựa PE hoặc HDPE tái sinh hoặc nguyên sinh (tùy loại), dẻo, bền, khó rách.</p> <p>Độ dày trung bình 0,08 – 0,12 mm, đảm bảo chịu lực khi di chuyển cây.</p> <p>Màu đen giúp hạn chế ánh sáng xuyên vào đất, giảm mọc rêu, giữ ẩm tốt.</p>
			Hạt giống mỡ	<p>Hạt giống mỡ mã số nguồn gốc: M02.118 đến M02.317 hoặc tương đương</p> <p>Hình dạng: Hạt nhỏ, dẹt, dạng bầu dục; màu nâu sẫm hoặc nâu đỏ khi khô; bề mặt trơn.</p> <p>Kích thước: Dài 6–8 mm; rộng 3–4 mm.</p> <p>Trọng lượng 1.000 hạt: Khoảng 60–70 g.</p> <p>Số hạt trên 1 kg: 14.000 – 16.500 hạt.</p> <p>Độ thuần: $\geq 98\%$; Tạp chất: $\leq 2\%$.</p> <p>Tình trạng thể chất: Hạt nguyên vẹn, khô, không mốc, không sâu mọt.</p> <p>Tỷ lệ nảy mầm: 75–85%</p> <p>Thể nảy mầm: 65–75%.</p>

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
11	HTX DVNN Hợp Thành	Xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	Quạt hút Công nghiệp	Kích thước: 1380x1380mm ± 5%
			Tấm dàn mát nhựa	Tấm làm mát nhựa (1.8x0.6x0.15)m
			Máy bơm chìm	Công suất: 1.5KW Đãi điện: 220V Hút/Xả: 60mm Lưu lượng Max: 24 m3/h Cột áp Max: 16 m
12	HTX nông sản Phú Đạt	Xã Bình Thành, tỉnh Thái Nguyên	Máy hút chè chân không	Thông số kỹ thuật Điện áp: 220V/50Hz Công suất: 600W Độ chân không tuyệt đối: 0,08MPa Lưu lượng cung cấp: 40m3/h Năng suất: 6-12 gói/lần, 1-2 lần/phút Thời gian hút: 10-25s Thời gian hàn: 2-5s Thời gian làm mát: 1-2s Số lượng thanh hàn: 2 chiếc Kích thước đường hàn: 660x5mm ± 5% Kích thước buồng hút: 680x270x365mm ± 5% Khoảng không chứa đồ: 680x170x365mm ± 5% kích thước máy: 720x395x705mm ± 5% Trọng lượng máy: 68kg ± 5% Bảo hành: 12 tháng
			Máy vò chè	- Kích thước phủ bì (D*R*C), mm: 820 x 820 x 1260 ± 5% - Kích thước thùng và (OxL), mm: 300 x 250 ± 5% - Tốc độ quay thùng vò, 55- 65r/min - Vật liệu vỏ thùng: INOX - Đường kính mâm vò, mm: 580 x 580 x 50 ± 5% - Vật liệu mâm vò: INOX, GỖ, NHÔM - Công suất điện áp động cơ, 0, 4/220 kW/v - Loại động cơ: 1 pha liên hợp giảm tốc - Loại nguyên liệu: Chè tươi - Khối lượng nguyên liệu, 7-10 kg/mẻ - Thời gian vò: 30-90phút/mẻ

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
13	HTX Đồng Tiến	Xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	Máy bơm nước chìm	<p>Thông số kỹ thuật</p> <p>Công suất: 1.8HP (1.350W)</p> <p>Lõi mô tơ: Dây đồng</p> <p>Đường kính họng xả: 50mm</p> <p>Chuẩn chống nước: IP68</p> <p>Chất liệu: Inox</p> <p>Hiệu suất máy</p> <p>Lưu lượng nước: 0 - 18 m³/h</p> <p>Cột áp: 9.8m - 3.5m</p> <p>Nhiệt độ chất lỏng bơm: 0 - 40 độ C</p> <p>Kích thước & Lắp đặt</p> <p>Nguồn điện áp: 220V/50Hz</p> <p>Trọng lượng sản phẩm: 11,5kg ± 5%</p> <p>Bảo hành: 12 tháng</p>
			Máy vò chè	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước phủ bì (D*R*C), mm: 820 x 820 x 1260 ± 5% - Kích thước thùng vò (OxL), mm: 300 x 250 ± 5% - Tốc độ quay thùng vò, 55- 65r/min - Vật liệu vò thùng: INOX - Đường kính mâm vò, mm: 580 x 580 x 50 ± 5% - Vật liệu mâm vò: INOX, GỖ, NHÔM - Công suất điện áp động cơ, 0, 4/220 kW/v - Loại động cơ: 1 pha liên hợp giảm tốc - Loại nguyên liệu: Chè tươi - Khối lượng nguyên liệu, 7-10 kg/mẻ - Thời gian vò: 30-90phút/mẻ
14	HTX Khánh Phương	Xã Lam Vỹ, tỉnh Thái Nguyên	Dê cái giống	<p>Dê cái giống</p> <p>Nguồn gốc: Giống dê bản địa, được nuôi lâu đời tại Việt Nam, thích nghi tốt với điều kiện khí hậu và địa hình trong nước.</p> <p>Trọng lượng: 16-25Kg</p> <p>Màu sắc lông: Có ít nhất hai màu trở lên; phổ biến gồm đen đậm, đen nhạt, trắng, nâu, vàng nâu. Lông mượt, ôm sát thân.</p> <p>Ngoại hình:</p> <p>Thân hình thanh mảnh, cân đối, không khuyết tật.</p> <p>Da mỏng, bốn chân chắc chắn, linh hoạt.</p> <p>Lưng thẳng, dáng đứng vững vàng.</p> <p>Đặc điểm đầu & sừng:</p> <p>Có hai sừng đối xứng hai bên, dạng cong vừa phải.</p> <p>Tai nhỏ, có thể dựng thẳng hoặc hơi xụ xuống.</p> <p>Đầu to, trán rộng, cổ dài vừa phải, cân đối với thân.</p>

STT	Tên Hợp tác xã	Địa chỉ	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật
				Định lượng kháng thể Lở mồm long móng (FMD) type O bằng phương pháp LP ELISA: tỷ lệ bảo hộ $\geq 81,25\%$ - Đã được tiêm phòng: Lở mồm long móng, đậu dê, tụ huyết trùng, viêm ruột hoại tử.
15	HTX Tân Tiến	Xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	Đầu máy cày	Máy làm đất chống rung kiểu động cơ: 4 thì, một xi lanh làm mát bằng gió; Dung tích động cơ: 210CC - 7 sức ngựa, Công suất tối đa: 7 sức ngựa; Dung tích chứa bình xăng: 2,5 lít, Độ rộng cày xới: 45-110cm; Độ sâu cày xới: 45-110cm; Hàng mới 100%, thời gia bảo hành: 12 tháng
			Máy sới đất	Máy xới đất đa năng động cơ dầu 173 có chuyển hướng điều khiển: Có bóp chuyển hướng; động cơ: Diesel 173 Cao cấp; Hộp số 5 cấp: 3 số tiến, 1 số lùi + Số N; Truyền động hộp số: Bánh răng, Công suất: 5.5Hp; Hiệu suất làm việc: 800 - 1200m ² /giờ (tùy thuộc vào chức năng); Dung tích bình chứa dầu: 2,5L; Tiêu hao nhiên liệu: 0,7L/h; Kiểu khởi động: Giật Nổ _ đề nổ bằng pin Lithium; Kích thước: 1700 x 950 x 1000(mm) $\pm 5\%$; Trọng Lượng: 88kg $\pm 5\%$; Lưỡi xới : 24 lưỡi, Thời gian bảo hành: 12 tháng

Ghi chú:

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “trương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh.

- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “trương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “trương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hóa thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.

- Đối với những thông số kỹ thuật sai khác yêu cầu nhà thầu chứng minh thông số kỹ thuật nhà thầu đề xuất bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật thuộc E-HSMT. Trường hợp nhà thầu đề xuất không cụ thể, đề xuất chung chung hoặc không chứng minh thông số kỹ thuật nhà thầu đề xuất bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật thuộc E-HSMT thì E-HSDT sẽ được đánh giá không đạt tại tiêu chí đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng

hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ quy định tại Mục 3, Chương III của E-HSMT.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nghiệm thu toàn bộ hàng hóa trước thời điểm kết thúc gói thầu 02 ngày (02 hoàn thiện các hồ sơ liên quan).

- Toàn bộ hàng hóa thiết bị cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo tính đồng bộ và mới 100% chưa qua sử dụng.

- Đối với giải pháp cung ứng, vận chuyển hàng hóa:

+ Nhà thầu phải thuyết minh đầy đủ, chi tiết lộ trình cung ứng, vận chuyển hàng hóa từ nhà sản xuất đến địa điểm cung cấp, lắp đặt (nếu có) theo yêu cầu E-HSMT.

+ Nêu rõ lộ trình dự kiến của từng loại hàng hóa khi cung cấp cho gói thầu này.

- Có thuyết minh về việc huy động thiết bị phù hợp với giải pháp cung ứng, vận chuyển, lắp đặt (nếu có) do nhà thầu đề xuất (nhà thầu phải huy động số lượng thiết bị tối thiểu phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biểu tiến độ cung cấp hàng hóa do nhà thầu đề xuất).

- Hàng hóa không ảnh hưởng đến môi trường.

- Hàng hóa hoàn toàn phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam.

- Chế độ bảo hành: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (thời gian bảo hành hàng hóa phải lớn hơn hoặc bằng thời gian bảo hành của nhà sản xuất) và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Kế hoạch bảo hành nhà thầu đề xuất phải đầy đủ các nội dung về nội dung công việc bảo hành, thời gian bảo hành cụ thể cho từng loại hàng hóa và quy trình xử lý khi nhận được yêu cầu bảo hành từ Chủ đầu tư.

- Kế hoạch tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa; nghiệm thu giai đoạn cung cấp lắp đặt (lắp ghép, đấu nối) (nếu có) hoặc bộ phận (hạng mục); nghiệm thu hoàn thành hạng mục của gói thầu và toàn bộ gói thầu. Nhà thầu phải đề xuất đầy đủ các nội dung về thời gian, địa điểm, đối tượng kiểm tra, nghiệm thu, thành phần kiểm tra, nghiệm thu phù hợp với đề xuất kỹ thuật và thể hiện cụ thể trên biểu tiến độ cung cấp hàng hóa nhà thầu đề xuất.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Ngoài việc nhà thầu đề xuất theo bảng tiến độ tại Mẫu số 10A (webform trên Hệ thống), nhà thầu phải đề xuất bảng (biểu) tiến độ thể hiện chi tiết quá trình triển khai thực hiện hợp đồng của nhà thầu (từ sau khi ký hợp đồng đến khi hoàn thành hợp đồng).

- Thời gian giao hàng (ngày giao hàng) là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nhà thầu cung cấp, bàn giao hàng hóa (đã bao gồm lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu nếu có) cho Bên mời thầu.

- Thời gian thực hiện hợp đồng là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, trừ thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành (nếu có).

- Hàng hóa phải được đóng gói gọn gàng, chắc chắn, đảm bảo an toàn trong vận chuyển, bốc xếp và lưu kho.

- Đối với nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu chuẩn bị các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất) để phục vụ xác minh, đối chiếu khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

3.1. Kiểm tra và thử nghiệm phục vụ công tác nghiệm thu:

- Khi nhận giao hàng tại địa điểm giao hàng, Bên mời thầu có quyền kiểm tra, chạy thử nghiệm hàng hóa và các thiết bị kèm theo. Việc kiểm tra, chạy thử nghiệm có sự chứng kiến của đại diện 2 bên và cơ quan chuyên môn (nếu cần).

Phương pháp kiểm tra và thử nghiệm: Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư thành lập Tổ Chuyên môn có đủ năng lực và chuyên môn kỹ thuật theo quy định thực hiện kiểm tra và thử nghiệm đảm bảo chính xác, khách quan. Nếu không đảm bảo yêu cầu theo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại E-HSMT, Bên mời thầu có quyền không nhận; mọi chi phí phát sinh nhà thầu phải chịu trách nhiệm chi trả.

- Công tác an toàn khi thực hiện vận hành thử nghiệm: Tuyệt đối tuân thủ theo quy định về an toàn theo quy trình được quy định. Trước khi thực hiện vận hành thử nghiệm, nhà thầu phải có trách nhiệm trình Chủ đầu tư, các bên liên quan (nếu có) về quy trình an toàn khi vận hành và thử nghiệm và phải thực hiện kiểm tra nghiêm túc, được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và các bên liên quan (nếu có) mới được thực hiện.

3.2. Kiểm tra và thử nghiệm phục vụ công tác kiểm định, thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng

Thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý chuyên môn và quy định pháp luật.